TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11/4/2019
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phúc.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Thanh;
2. Ông Dương Trần Trọng Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cai Lậy;

Ngày 11 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lậy mở phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 562/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ng Th X Đ, sinh năm: 1979. Địa chỉ: ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh TG (có mặt);

2. Bị đơn: Ng V D, sinh năm: 1988. Địa chỉ: ấp B, xã T, huyện CL, tỉnh TG (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ghi ngày 03/12/2018, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:***

Chị và anh Ng V D chung sống với nhau từ tháng 02/2013 nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi và ly thân từ tháng 08/2017 đến nay. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: xin ly hôn với anh D;
- Về con chung, tài sản và nợ chung: không có nên không yêu cầu giải quyết.

***** Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, đơn khởi kiện, bản tự khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh D vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của chị Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Xét chị Đ và anh D chung sống với nhau như vợ chồng từ 2013 đến năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn, nay chị Đ tranh chấp ly hôn với anh D nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp ly hôn (không công nhận vợ chồng) theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy bị đơn Ng V D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh D theo quy định tại khoản 1, 2, Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu các bên đương sự: Tại phiên tòa chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, Hội đồng xét xử nhận thấy:

3.1. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị Đ và anh D sống chung như vợ chồng từ năm 2013 đến năm 2017 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1, Điều 9 của Luật hôn nhân và Gia đình, nay chị Đ tranh chấp ly hôn với anh D. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần để hàn gắn mâu thuẫn cho các bên nhưng anh D không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không đến tham gia phiên hòa giải điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Đ.

3.2. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không có nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1, 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9 luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ng Th X Đ.

1.Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ chung sống giữa chị Ng Th X Đ và anh Ng V D là vợ chồng.

2. Về án phí: Chị Ng Th X Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 16207 ngày 11/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cai Lậy nên chị Đ đã nộp xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh TG;*
- *VKSND huyện CL;*
- *THADS huyện CL;*
- *UBND xã T, Tp.M;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hà Văn Phúc